

Bản án số: 341/2022/DS-PT  
Ngày 23-11-2022  
V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Nga

*Các Thẩm phán:*

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Hồng Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 377/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Lệ T, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Ngọc C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 11/11/2022).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Văn phòng công chứng T.

Địa chỉ: Hương lộ T, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Bà Đinh Thị K, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

4. Ông Đinh Hữu T, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

5. Bà Đinh Thị Thu T2, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

6. Bà Đinh Thị Thúy H, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

7. Bà Đinh Thị Ngọc T1, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

8. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

9. Bà Đinh Thị Phượng H1, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

10. Ông Trần Công T1, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của bà Đinh Thị Phượng H1 ông Trần Công T1:*  
Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1987; địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

(Được uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 16/11/2022).

11. Bà Bùi Thị B, sinh năm: 1948;

Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị Lệ T trình bày:

Thửa đất 122 và 77 là của cha mẹ bà là cụ Đinh Văn M và cụ Bùi Thị B. Hai cụ có tất cả 07 người con gồm Đinh Thị Lệ T, Đinh Thị Thu T2, Đinh Thị Thúy H, Đinh Hữu T, Đinh Ngọc C, Đinh Thị K và Đinh Thị Ngọc T1. Khi cha bà còn sống, thì cha mẹ có cắt chia thửa đất 77 cho 07 người con, phần còn lại cha mẹ cất nhà cấp 4 ở ổn định. Năm 2010 cha bà mất, mẹ của bà vẫn tiếp tục ở trên căn nhà này. Năm 2011, cụ B kêu bà T1 và bà K ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để cho cụ B đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 122 và 77 (pcl) tại Văn phòng công chứng T. Tại thời điểm đó, cụ B không điện thoại báo cho bà và bà T2, ông T, bà H biết sự việc phân chia di sản. Tháng 10/2011 cụ B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 122 và 77 (pcl). Sau khi được đứng tên, cụ B vẫn tiếp tục quản lý sử dụng. Tháng 11 năm 2018 do cụ B bệnh nên ông C rước cụ B về nuôi dưỡng chăm sóc. Thời gian sau, cụ B lập hợp đồng tặng cho 02 thửa đất 122 và 77 cho

ông C. Khi bà T phát hiện có hỏi ông C thì vợ chồng ông C nói đất đó của cụ B, cụ B cho ai là quyền của cụ B. Sau khi ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị Phụng H1 đối với thửa đất số 77, 122 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Bà T cho rằng thửa đất 77 và 122 còn một nửa diện tích đất là của cụ M. Cụ B tự ý cho hết ông C là không đúng. Cụ M chết không để lại di chúc và nghĩa vụ về tài sản. Do đó, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật giá trị của  $\frac{1}{2}$  thửa đất 77 và 122. Chia thành 8 kỷ phần trong đó hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Bùi Thị B, Đinh Thị Lệ T, Đinh Thị Thu T2, Đinh Thị Thúy H, Đinh Hữu T, Đinh Ngọc C, Đinh Thị K, Đinh Thị Ngọc T1. Bà T yêu cầu nhận giá trị đất và đồng ý giao toàn bộ 02 thửa đất cho ông C. Do ông C đã chuyển nhượng đất cho người khác thì phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị lại cho bà.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Ngọc C do ông Nguyễn Văn T đại diện trình bày:

Thửa đất 122 và 77 là của cha mẹ ông C là cụ Đinh Văn M và cụ Bùi Thị B. Hai cụ có tất cả 07 người con là Đinh Thị Lệ T, Đinh Thị Thu T2, Đinh Thị Thúy H, Đinh Hữu T, Đinh Ngọc C, Đinh Thị K, Đinh Thị Ngọc T1. Trước đây cụ M và cụ B đã chia đất cho tất cả các người con và họ đã cất nhà riêng để ở. Khi cho đất thì 2 cụ để lại thửa 122 và thửa 77 (pcl) cho cụ B ở và sử dụng. Khi lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thì chỉ có cụ B, bà T1, bà K tham gia ký tên nhưng tất cả các anh em còn lại đều biết và không có ý kiến hay khiếu nại gì chỉ là do thủ tục hành chính thì họ không tham gia ký tên thôi. Sau khi cụ B được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ B đã tặng cho ông C. Việc tặng cho đúng quy định và ông C đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do có khó khăn về tiền bạc nên ông C mới chuyển nhượng lại cho bà H1 là con gái của ông C với giá 01 tỷ đồng. Bà H1 đã giao đủ tiền và ông C đã giao đất cho bà H1. Hiện nay 02 thửa đất này đã chuyển dịch ngay tình cho người thứ 3 rồi nên bà T không còn quyền tranh chấp. Cụ B tặng cho đất cho ông C trong thời gian cụ sống với ông và do ông chăm sóc nuôi dưỡng cụ cho đến nay. Trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông C không đồng ý chia thừa kế đối với thửa đất số 77 và 122, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Trường hợp Tòa án hủy văn bản phân chia thừa kế và xác định phần di sản của ông M thì ông C thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông M không yêu cầu phân chia di sản thừa kế trong vụ án này. Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà H1, ông và bà H1 tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra ông C không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đinh Hữu T trình bày:

Thửa đất 122 và 77 là của cụ Đinh Văn M và cụ Bùi Thị B. Hai cụ có tất cả 07 người con là Đinh Thị Lệ T, Đinh Thị Thu T2, Đinh Thị Thúy H, Đinh Hữu T, Đinh Ngọc C, Đinh Thị K, Đinh Thị Ngọc T1. Lúc còn sống thì cha mẹ cất nhà cấp 4 trên 02 thửa đất này để ở ổn định. Trước đây cha mẹ đã phân chia tài sản cho tất cả 07 người con trong gia đình. Sau đó mỗi con đều cất nhà riêng để ở. Năm 2010 cụ Đinh Văn M chết thì cụ B vẫn tiếp tục ở trên căn nhà này. Năm 2011 cụ B yêu cầu bà T1 và bà K lập thủ tục để cho cụ B đứng tên quyền sử dụng thửa đất số

122 và thửa 77 tại Văn phòng công chứng T với hình thức văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Tất cả các người con còn lại không được cụ B thông báo nên không tham gia. Cụ B tự ý sang tên quyền sử dụng 02 thửa đất và tặng cho ông C làm ảnh hưởng tới quyền lợi của những người thừa kế còn lại. Vì vậy ông T khởi kiện yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế do Văn phòng công chứng T chứng thực ngày 14/7/2011 đối với thửa đất số 77 và 122, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An; Xác định thửa đất số 77 và 122, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An là di sản thừa kế do cụ Đinh Văn M để lại; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Bùi Thị B đứng tên đối với các thửa đất số 77 và 122, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15/02/2019 được công chứng tại Văn phòng công chứng T đối với các thửa đất số 122 và 77, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An giữa cụ Bùi Thị B với ông Đinh Ngọc C; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đinh Ngọc C, bà Nguyễn Thị C với bà Đinh Thị Phụng H1 đối với thửa đất số 77, 122 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông M là  $\frac{1}{2}$  giá trị nhà và đất thửa 77 và 122, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Ông yêu cầu được nhận giá trị. Ngày 22/4/2022, ông T có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Thu T2, bà Đinh Thị Thúy H, bà Đinh Thị K, bà Đinh Thị Ngọc T1 trình bày:

Bà T2, bà H, bà K, bà T1 thống nhất với lời trình bày của ông T về quan hệ thừa kế và di sản thừa kế. Do cụ B tự ý sang tên quyền sử dụng 02 thửa đất sau đó tặng cho ông C làm ảnh hưởng tới quyền lợi của những người thừa kế còn lại nên bà Đinh Thị Thu T2, bà Đinh Thị Thúy H, bà Đinh Thị K, bà Đinh Thị Ngọc T1 khởi kiện yêu cầu chia thừa kế  $\frac{1}{2}$  giá trị thửa đất 77, 122 tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An của ông Đinh Văn M. Ngày 22/4/2022, bà Đinh Thị Thu T2, bà Đinh Thị Thúy H, bà Đinh Thị K, bà Đinh Thị Ngọc T1 xin rút yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Bùi Thị B trình bày:

Trước đây thửa đất 122 và 77, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An là tài sản chung của cụ B và cụ Đinh Văn M. Cụ Bùi Thị B có tất cả 07 người con là bà Đinh Thị Lệ T, bà Đinh Thị Thu T2, bà Đinh Thị Thúy H, ông Đinh Hữu T, ông Đinh Ngọc C, bà Đinh Thị K, bà Đinh Thị Ngọc T1. Ngày 10/5/2019 do bị con cái xúi giục nên cụ B làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia di sản thừa kế của cụ M để lại đối với thửa đất số 122 và thửa đất số 77 cùng tờ bản đồ số 03, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Ngày 11/01/2021 cụ B có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Nay cụ B xác định khi cụ M còn sống  $\frac{1}{2}$  tài sản của cụ M đã cho hết 07 người con. Phần đất còn lại là tài sản của cụ B gồm thửa 122 và thửa 77 (pcl). Khi

lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế chỉ có cụ B, bà T1, bà K tham gia nhưng tất cả các người con còn lại đều biết và không có ý kiến hay khiếu nại. Sau khi cụ B được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ B đã tặng cho ông C do ông C là người chăm sóc cụ B. Việc tặng cho đúng quy định và ông C đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ B xác định 02 thửa đất trên là tài sản riêng của cụ, cụ đã tặng cho ông C nên không đồng ý chia thừa kế. Trường hợp buộc phải chia thừa kế thì cụ đồng ý giao ½ thửa đất trên và các kỹ phần cụ được hưởng cho ông C. Ngoài ra cụ không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông C. Bà không có ý kiến hay yêu cầu nào trong vụ án này.

Trong bản tự trình bày nội dung vụ việc và đơn xin vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng T do ông Nguyễn Xuân Q đại diện trình bày:

Ngày 14/02/2019 ông Đinh Ngọc C đến Văn phòng công chứng T nộp hồ sơ yêu cầu chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 122 và 77, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An. Giấy tờ nộp gồm: 02 giấy chứng minh nhân dân, 02 sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh, 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Bùi Thị B đứng tên, 01 bản trích lục bản đồ địa chính, 01 đơn xin xác nhận có thu nhập ổn định từ trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp. Qua kiểm tra các giấy tờ đều hợp lệ, Văn phòng công chứng tiến hành soạn thảo văn bản. Do cụ Bùi Thị B lớn tuổi, chữ yếu nên Văn phòng công chứng yêu cầu ông C mời người làm chứng có mặt chứng kiến sự việc. Ngày 15/02/2019, Văn phòng công chứng cử công chứng viên Nguyễn Thị Quế M đến nhà ông C tại Ấp X, xã L lấy chữ ký (lấn tay) vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ B dưới sự chứng kiến của bà Lê Thị Thu T. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được công chứng số 961, quyển số 01/2019 TP/CC-SCC/HĐGD. Do đó việc Văn phòng công chứng T chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Phượng H1 trình bày:

Năm 2019, bà H1 nhận chuyển nhượng 02 thửa đất 122 và 77, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An của ông C. Giá chuyển nhượng 1.000.000.000 đồng. Hai bên đã thanh toán đủ tiền và bàn giao 02 thửa đất. Khoảng tháng 4/2019 thì bà H1 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H1 không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông C bà C. Trường hợp hủy hợp đồng thì bà không yêu cầu giải quyết hậu quả trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công T1 trình bày:

Ông xác định thửa đất 122 và 77, cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An do bà H1 đang đứng tên là tài sản riêng của bà H1. Do đó, ông không có ý kiến hay yêu cầu nào trong vụ án này.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 04/8/2022 của Toà án nhân dân huyện T đã căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 213, 218 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, 35, 44 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 167 Luật Đất đai; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Lệ T đối với ông Đinh Ngọc C về “Tranh chấp chia thừa kế”.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà B chịu 6.149.000đồng (đã nộp xong). Bà T chịu 35.577.400đồng trong đó 15.800.000đồng (đã nộp xong) và có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C số tiền 19.777.400đồng.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, thì bà T phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Khấu trừ 1.470.000đồng theo biên lai thu số 0004954 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí. Hoàn trả cho bà T số tiền 1.170.000đồng tạm ứng án phí còn thừa.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2022, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 256/QĐ-VKS-DS kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Đinh Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày cho rằng việc bà T đi kiện là do có sự không thống nhất giữa ông C với các anh chị em trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ là cụ Bùi Thị B, bản thân của bà T không có yêu cầu chia thừa kế, chỉ yêu cầu chia lại giá trị quyền sử dụng đất để tặng cho lại cho cụ B, chính vì vậy sau khi Toà án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu của bà T, bà T đã không kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đồng ý để lại hai thửa đất 122 và 77 (mpt) cho ông C sử dụng không tranh chấp với điều kiện ông C phải chu toàn chăm sóc cho cụ B và hoàn trả lại toàn bộ chi phí tố tụng cũng như án phí cho bà T.

Bị đơn ông Đinh Ngọc C do ông Nguyễn Văn T đại diện đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng và chịu án phí đối với phần của bà T phải chịu.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T thấy rằng: Kháng nghị đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm, bà T không tiếp tục yêu cầu chia thừa kế, bà T trình bày cho rằng, bản thân bà T không tranh chấp đối với ông C về các thửa đất 122, 77 để yêu cầu chia thừa kế cho cá nhân bà T, mà bà T yêu cầu nhận tiền để cho lại cho cụ B, hiện tại cụ B đang chung sống cùng ông C, cụ B mong muốn tiếp tục được ông C chăm sóc, bà T chỉ yêu cầu phía bị đơn thanh toán lại cho bà T toàn bộ chi phí tố tụng, án phí bà T phải chịu, đề nghị của bà T cũng được phía bị đơn đồng ý. Vì vậy Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút lại phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đối với yêu cầu chia thừa kế của bà T, thay đổi kháng nghị về phần án phí và chi phí tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 279, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng T, Ủy ban nhân dân huyện T, ông Đinh Hữu T, bà Đinh Thị Thúy H, bà Đinh Thị Ngọc T1 vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt, việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Bà Đinh Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với ông Đinh Ngọc C. Bà T cho rằng hai thửa đất số 77 và 122 cùng tờ bản đồ số 3 là tài sản chung của cụ Đinh Văn M và cụ Bùi Thị B, trong đó  $\frac{1}{2}$  là di sản thừa kế của cụ M, khi cụ M chết vào năm 2010. Toà án cấp sơ thẩm với nhận định cho rằng, toàn bộ thửa đất số 77 và 122 là tài sản chung của cụ M và cụ B, vào năm 2008, cụ M đã chia đất cho các con,  $\frac{1}{2}$  tài sản trong khối tài sản chung thuộc về cụ B, cụ B được định đoạt tài sản này, các đồng thừa kế đều biết cụ B lập thủ tục để được đứng tên quyền sử dụng đất phần còn lại của thửa đất số 77 và thửa đất số 122, ai có công nuôi dưỡng thì được nhận quyền sử dụng đất này. Do đó, việc cụ B lập thủ tục đứng tên quyền sử dụng đất và tặng cho quyền sử dụng đất còn lại cho ông C, các con đều biết không phản đối, phần tài sản còn lại không còn là di sản thừa kế của cụ M nên đã bác yêu cầu khởi kiện của bà T. Bà T không kháng cáo, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T kháng nghị.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, bà Kiểm sát viên đại diện cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An rút lại kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T về phần nội dung yêu cầu xem xét chia thừa kế cho nguyên đơn bà Đinh Thị Lệ T, thay đổi phần kháng nghị, chỉ đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm về án phí và chi phí tố tụng. Căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng nghị Viện Kiểm sát đã rút.

[5] Xét thấy, trong phiên toà phúc thẩm, bà Đinh Thị Lệ T yêu cầu phía bị đơn ông Đinh Ngọc C chịu toàn bộ án phí và chi phí tố tụng, yêu cầu này được người đại diện hợp pháp của bị đơn chấp nhận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của phía bị đơn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn, buộc bị đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí, sửa bản án sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận việc rút kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện T.

Chấp nhận việc thay đổi một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa phúc thẩm.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 147, 148, 289, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 213, 218 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, 35, 44 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 167 Luật Đất đai; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Lệ T đối với ông Đinh Ngọc C về yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Đinh Văn M là giá trị thửa đất số 122 và thửa đất số 77 (mpt) cùng tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng số tiền là 41.726.400đồng, cụ B chịu 6.149.000đồng, số tiền này cụ B đã nộp và chi phí xong. Ông Đinh Ngọc C chịu 35.577.400đồng, ông C đã nộp tạm ứng 19.777.400đồng, bà T nộp tạm ứng 15.800.000đồng, ông C phải nộp lại 15.800.000đồng để hoàn trả cho bà T.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông C phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Ngọc C tự nguyện chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Lệ T 1.470.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004954 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân



sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kim Nga**